

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 917/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2022.
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Mộng N, sinh năm: 1985 (có mặt).
Địa chỉ: Số 0134, đường DT6, khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1993 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 83, Đường 684, Tổ 4, ấp Mít Nài, xã Phước Thạnh, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng N trình bày:

Bà cùng ông Nguyễn Thành T là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 70/2013, quyền số 01/2012, ngày 03/5/2013. Thời gian đầu cuộc

sống gia đình hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, nên đời sống vợ chồng bà không còn được hạnh phúc, bà và ông T đã ly thân từ tháng 06 năm 2015 đến nay không còn liên lạc gì với nhau nữa. Hiện nay bà không còn tình cảm, yêu thương ông T nữa nên không thể tiếp tục chung sống. Bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung có 02 trẻ tên: Nguyễn Lâm Bảo K, sinh ngày 19/4/2014 và Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 30/12/2015. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lâm Thị Mộng N và ông Nguyễn Thành T là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thành T hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Mộng N và ông Nguyễn Thành T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 70/2013, Quyền: 01/2012, ngày 03/5/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N trình bày đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà N nhận thấy không còn tình cảm với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động

nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà N nên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn với bà N là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông T.

[4] Về con chung có 02 con là: Nguyễn Lâm Bảo K, sinh ngày 19/4/2014 và Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 30/12/2015.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ K hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, trẻ N còn nhỏ đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông T đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiện ý kiến muốn nuôi con. Do đó, để ổn định tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ K và trẻ N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Mộng N là được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 70/2013, Quyền số 01/2012, ngày 03/5/2013 của UBND xã phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 02 trẻ tên: Nguyễn Lâm Bảo K, sinh ngày 19/4/2014 và Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 30/12/2015.

Giao cho bà Lâm Thị Mộng N trực tiếp nuôi 02 con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lâm Thị Mộng N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0044041 ngày 07/3/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- UBND phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc